

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Anh Dũng
- Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Mai Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 316/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1987; nơi thường trú: thôn Đồng Trống, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Quyết Tiến, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh); số căn cước công dân: XXXXXXXXXXXXX. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Thân Nhân H, sinh năm 1988; nơi thường trú: thôn Đồng Trống, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh (nay là thôn Quyết Tiến, xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh); số căn cước công dân: XXXXXXXXXXXXX. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Thân Nhân H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh) ngày 16/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh H1; thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do anh H1 sử dụng ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh Thân Nhân H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Đức D, sinh ngày 12/3/2009 và cháu Thân Thị T, sinh ngày 14/6/2012. Hiện cả hai cháu đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thân Nhân H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H1 vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các cháu Thân Đức D và Thân Thị T trình bày: Hiện các cháu đang sống với mẹ; nếu bố mẹ ly hôn, các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ vì từ trước đến nay mẹ là người chăm sóc, giáo dục các cháu.

Kết quả xác minh tại địa phương và làm việc với bà Nguyễn Chi B (mẹ đẻ anh H1) xác định: Chị Phạm Thị H và anh Thân Nhân H kết hôn hợp pháp năm 2008, sau khi kết hôn chung sống cùng gia đình anh H1 tại thôn Đồng Trống (nay là thôn Quyết Tiến), xã Ngọc Thiệu, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống xa cách và đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh H1 có nơi thường trú tại địa phương nhưng thường xuyên đi làm tại các tỉnh lân cận; có tiền sử sử dụng ma túy, đã bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc, từng chấp hành hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản và hiện đang chịu sự quản lý sau cai nghiện tại địa phương. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân Đức D và cháu Thân Thị T, hiện đều sống cùng chị H. Bà B có nguyện vọng cùng anh H1 nuôi cháu Dũng và nhất trí giao cháu Huyền cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các văn bản Tòa án giao cho bà nhận thay anh H1, bà đều giao lại cho anh H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Thân Nhân H. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H được trực tiếp nuôi 02 con chung là Thân Đức D và Thân Thị T. Về cấp dưỡng chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn anh

Thân Nhân H, có nơi thường trú tại xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh. Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Bắc Ninh theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025, và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn không đến Tòa án làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh) ngày 16/5/2008, bảo đảm các điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp.

Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh và kéo dài nhiều năm; vợ chồng sống xa cách, đã ly thân nhiều năm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Anh H1 không đến Tòa án làm việc, không thể hiện mong muốn đoàn tụ và cũng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Có căn cứ xác định vợ chồng không còn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau; mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Thân Đức D, sinh ngày 12/3/2009 và cháu Thân Thị T, sinh ngày 14/6/2012, hiện đều sống ổn định cùng chị H. Chị H đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con; anh H1 không có ý kiến. Bà Nguyễn Chi B có nguyện vọng cùng anh H1 nuôi cháu Dũng và nhất trí giao cháu Huyền cho chị H. Cả hai cháu đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ vì từ trước đến nay mẹ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Xét điều kiện thực tế, sự ổn định về nơi ở, việc chăm sóc hiện tại và nguyện vọng của các con; đồng thời anh H1 thường xuyên đi làm xa, có tiền sử sử dụng ma túy, từng chấp hành hình phạt tù và hiện chịu sự quản lý sau cai nghiện tại địa phương, việc giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Thân Nhân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi 02 con chung là Thân Đức D, sinh ngày 12/3/2009 và Thân Thị T, sinh ngày 14/6/2012.

Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003885 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Ngọc Thiện, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mai Hương